

Tên khác của Indacanda (Tên gọi đình Dũng)

Tạng Luật (*Vinaya* / *aka*) thuộc về Tam Tạng (*Tipi* / *aka*) là những lời dạy và quy định của đức Phật và các vị nđ có liên quan đến cuộc sống và sự sinh hoạt của các thành viên cũng như các công việc của họ. Trong đó, chủ yếu đề cập đến các tên khác, một phần dành cho tên khác, đng thđi một số vị nđ có thể áp dụng cho hàng tđ gia cđ sĩ cũng đđc tìm thđy.

Tạng Luật đđc chia làm 3 phần chính: *Suttavibhāga*, *Khandhaka*, và *Parivāra*.

I. *Suttavibhāga* (Phân Tích Giới Bộ) trình bày về giới bộ *Pātimokkha* của tên khác có 227 điều luật và của tên khác có 311 điều luật. Ý nghĩa của tên "

sutta

" nhóm tên "

suttavibhāga

" có ý nghĩa tên gọi đđng nhđ là "

sikkhāpada

" (điều luật, luật giới, điều luật, ...), nếu xét theo ý nghĩa bao quát có thể gọi là "giới bộ." Như vậy,

Suttavibhāga

nghĩa là sự phân tích các điều luật hoặc là sự phân tích về giới bộ (Tạng Kinh, tên "sutta" đđc dịch là "kinh", ví dụ như

Brahmajālasutta

đđc dịch là

Kinh Phạm Võng

, v.v...).

Theo truyền thống đang đđc áp dụng Tích Lan và Miến Điện, *Suttavibhāga* đđc phân làm hai:

i

apā i

Pārājikāpā

và *Pācittiya*

Cách phân chia này có thể do việc chia hai số lượng sách của *Suttavibhāga* và đđc trình bày như sau:

Pārājikāpā i : Một điều là Chđng *Verañja* giới thiệu về ngài *Sāriputta* thđnh cđ đđc Phật quy

đ nh đ u h c và công b gi i b n

Pātimokkha

; khi y đ c Ph t đ an c mùa m a t i x

Verañjā

. K đ n là các đ u h c đ c trình bày theo th t :

1) 4 *Pārājika* (b t c ng tr)

2) 13 *Sa ghādisesa* (tăng tàng)

3) 2 *Aniyata* (b t đ nh)

4) 30 *Nissaggiya Pācittiya* (ng x đ i tr)

Pācittiyapā i : trình bày ph n còn l i c a *Suttavibha ga*:

5) 92 *Pācittiya* (ng đ i tr)

6) 4 *Pā idesaniya* (ng phát l)

7) 75 *Sekhiya* (ng h c)

8) 7 *Adhikara asamathā Dhammā* (các pháp d n x p tranh t ng)

9) *Bhikkhunīvibha ga* (Phân Tích Gi i T Kh u Ni).

Truy n th ng Thái Lan cũng phân *Suttavibha ga* làm hai, nh ng căn c theo n i dung:

Mahāvibha ga (Đ i Phân Tích): còn có tên là *Bhikkhuvibha ga* (Phân Tích Gi i T Kh u) vì có đ y đ ph n phân tích 227 gi i trong gi i b n

Pātimokkha

c a t kh u t 4

pārājika

cho đ n 7

adhikara asamathā

dhammā

. B này đ c phân chia làm 2 t p: T p I g m 4

pārājika

, 13

sa ghādisesa

, và 2

aniyata

, t p II g m ph n còn l i c a gi i b n b t đ u v i 30

nissaggiya

pācittiya

và k t thúc v i l i t ng đ c t ng k t.

Bhikkhunīvibhaṅga (Phân Tích Giới Tỳ Khưu Ni) chủ trình bày các điều lệ quy định dành riêng cho tỳ khưu ni, nhưng điều lệ quy định chung cũng nên phải xem *Bhikkhuvibhaṅga* (Phân Tích Giới Tỳ Khưu).

II. *Khandhaka* (Hợp Phận): *Khandhaka* gồm các vấn đề có liên quan đã được sắp xếp thành tạng chương và được phân làm hai: *Phim* ()

và

Cullavagga

(

Tiêu Phim

). Chúng tôi tìm thấy

Khandhaka

là

Hợp Phận

(

khandha

có nghĩa là khối, nhóm, uẩn, ... và tiếp vĩ ngữ -

ka

trong trường hợp này có ý nghĩa là thuộc về, có liên quan, ...).

Mahāvagga (Đại Phẩm): gồm 10 chương, mà đầu là sự thành lập quy củ của Phật, kể đến là các nhiệm vụ quan trọng của các tỳ khưu như lễ xuất gia, lễ *Uposatha* (Bát Tát), việc ăn uống mùa mưa, lễ

Pavāraṇā

(Tỳ Tỳ), v.v...

Cullavagga (Tiểu Phẩm): gồm 12 chương để cập đến việc hành xử các tỳ khưu phẩm tỳ, giới quy định các sự tranh tụng, việc chia rẽ hội chúng, và các vấn đề khác liên quan đến đời sống xuất gia. Được biết chương 10 để cập việc xuất gia của tỳ khưu ni và hai chương cuối 11 và 12 nói về hai kết tập Tam Tạng đầu tiên ở Ấn Độ.

III. *Parivāra* (Tập Yếu): phân tích về Giới và Luật theo các tiêu đề và được trình bày dưới dạng vấn đáp, có thể được xem như là cuốn cẩm nang hướng dẫn việc hành xử Luật.

--ooOoo--

Tổng Luận Tổng Viết

Bản dịch tiếng Việt Tổng Luận của chúng tôi căn cứ vào văn bản Pāli Roman từ CD Budsir IV của trường học Đại học Mahidol (Thái Lan), được phân thành 5 bộ, có 8 tập:

1. Phân Tích Giới Tử Khu (2 tập)
2. Phân Tích Giới Tử Khu Ni
3. Đại Phạm (2 tập)
4. Tiểu Phạm (2 tập)
5. Tập Yếu

1. Phân Tích Giới Tử Khu:

Gồm có hai tập và có thể nói gọn là Giới Tử Khu cho đến nay.

Được chép trong nội dung, chương mẩu đầu Verañja trình bày về thời điểm quy định đầu u học cho các tập khu căn cứ vào câu trả lời của Phật đối với sự thỉnh cầu của ngài Sāriputta (Xá Lợi Phất) rằng: "Này Sāriputta, ngài hãy chép đi! Này Sāriputta, ngài hãy chép đi! Trong trường hợp này, chỉ có Nhị Lai mới biết thời điểm." Và ngài đã xác định về thời điểm đó như sau: "Này Sāriputta, chính bởi vì một số pháp đã đến đầu u học xuất hiện trong hai chúng này ... chính bởi vì hai chúng đến đến số đông đến và số ít ... chính bởi vì hai chúng đến đến số ít ... nên vì vì phát triển ... chính bởi vì hai chúng đến đến số đông ... nên một số pháp đã đến đầu u học xuất hiện trong hai chúng này, nên bậc Đạo Sĩ quy định đầu u học và công bố giới bản Pātimokkha cho các đệ tử như một di sản truyền chính các pháp đã đến đầu u học này."

Đ n các ch ng k t p, chúng ta bi t đ c r ng m i khi đi u h c đ c quy đ nh, tr c tiên có s ch trích và chê bai v vi c làm hay l i nói nào đó c a các v xu t gia, vi c ch trích và chê bai lan r ng khi n các t kh u nghe đ c và cu i cùng đ n tại đ c Ph t. Đ i t ng vi ph m trong các câu chuy n này có th là cá nhân hay nhóm t kh u, không h n là phạm nhân mà ngay c m t s v đã ch ng đ c thi n và th n thông nh các v Devadatta v i vi c chia r h i chúng và Sāgata do say s a vì u ng r u, m t vài tr ng h p do các b c đã ch ng Thánh qu nh ngài Anuruddha v vi c n m chung ch ng v i ng i n, ngài Cū apanthaka v vi c giáo hu n các t kh u ni khi m t tr i đã l n, ho c ngài Ve a hasīsa v vi c th đ ng v t th c đã tích tr . V các s ch trích và chê bai, đa s phát xu t t hàng t i gia có th là các c sĩ đã quy y, nh ng ng i theo ngo i đ o, ho c qu n chúng bình th ng, k đ n do các v đã xu t gia, ch m t vài tr ng h p do phi nhân h ng trên ho c đ i. Thông th ng, đ c Ph t tri u t p các t kh u l i, xác đ nh v n đ , khi n trách và giáo hu n, r i m i quy đ nh đi u h c. M i l n nh v y, đ c Ph t luôn kh ng đ nh v m i đi u l i ích c a vi c làm y nh sau: "Nh m s t t đ p cho h i chúng, nh m s an l c cho h i chúng, nh m vi c tr n áp nh ng nhân v t ác x u, nh m s l c trú c a các t kh u hi n thi n, nh m ngăn ng a các l u ho c trong hi n t i, nh m s tr di t các l u ho c trong t ng lai, nh m đ m l i ni m tin cho nh ng k ch a có đ c tin, nh m tăng thêm ni m tin c a nh ng ng i đã có đ c tin, nh m s t n t i c a Chánh Pháp, và nh m s h tr Lu t." Có nhi u tr ng h p, đi u h c đã đ c quy đ nh thêm (*anupaññatti*), có tr ng h p m c đ nghiêm kh c trong vi c th c hành càng gia tăng, có tr ng h p đ c gi m nh do nhu c u c n thi t ví d nh t kh u b b nh có th th th c ph c xá h n m t l n, ho c v t kh u có th h n tr c r i đi chung v i t kh u ni đ n đ ng có nguy hi m ho c chung chuy n đ l u sang sông. Sau ph n quy đ nh v đi u h c, có ph n phân tích v t ng v các tr ng h p vi ph m ho c không vi ph m. Ph n này c n xem xét k l ng m i có th hi u đ c đi u h c thêm ph n chính xác. Ngoài ra, có ph n các câu chuy n đ n gi i 4 đi u h c *pārājika* và 5 đi u h c đ u c a sa ghādisesa, g m nh ng s vi c c th giúp cho hi u rõ h n v tr ng h p vi ph m t i. Khi đ c các câu chuy n này, ta nên liên h v i ph n phân tích p hía tr c đ th y đ c s phán quy t c a đ c Ph t. M t đi u quan tr ng c n l u ý r ng đ i t ng chính c a các đi u h c này là h ng t kh u và t kh u ni đã đ c tu lên b c trên b ng hành s v i l i thông báo đ n l n th t, đ u tiên là v bà-la-môn đã đ c ngài Sāriputta t đ do vi c b thí m t mu ng th c ăn (Đ i Ph m, ch ng I, [85]).

2. Phân Tích Giới i T Kh u Ni:

Nói g n h n cho đ nh là Giới i T Kh u Ni. T p này trình bày 311 đi u h c c a các t kh u ni đ c phân chia nh sau:

- 1) 8 *Pārājika* (b t c ng tr)
- 2) 17 *Sa ghādisesa* (tăng tàng)
- 3) 30 *Nissaggiya Pācittiya* (ng x đ i tr)
- 4) 166 *Pācittiya* (ng đ i tr)
- 5) 8 *Pā idesaniya* (ng phát l)
- 6) 75 *Sekhiya* (ng h c)
- 7) 7 *Adhikara asamathā Dhammā* (các pháp d n x p tranh t ng).

Tuy nhiên, ch có nh ng đ u h c quy đ nh riêng cho t kh u ni (*asādhāra apaññatti*) đ c trình bày trong t p này, còn nh ng đ u quy đ nh chung cho t kh u và t kh u ni (*sādhāra apaññatti*

) c n ph i xem Phân Tích Giới i T Kh u. Ngài Buddhaghosa trong Chú Giới i T ng Lu t *Samantapāsādikā*

đã giúp chúng ta xác đ nh nh ng đ u h c chung này, tuy nhiên th t các đ u h c trong giới b n đ y đ c a các t kh u ni đ c trình bày nh th nào không th y ngài đ c p đ n. Giới i b n đ y đ c a t kh u ni đ c tìm th y các tài li u Pāli có tên

Bhikkhunīpātimokkha

,
Ubhato-pātimokkha

,
Dvemātikāpā i

, còn đ c l u tr các n c có Ph t giáo là qu c giáo nh Tích Lan, Thái Lan, Mi n Đ i n.

So sánh giới i b n *Pātimokkha* c a t kh u và t kh u ni, có m t s v n đ đáng đ c l u ý nh sau:

1) T kh u ni không có ph n giới i *aniyata* (b t đ nh). T kh u và t kh u ni đ u có 30 đ u *unissaggiya*

pācittiya

(ng x đ i tr), tuy có s l ng gi ng nhau nh ng m t s đ u h c l i khác nhau, 75 đ u *sekhiya*

(ng h c) và 7 pháp d n x p tranh t ng hoàn toàn gi ng nhau.

2) Đ c Ph t quy đ nh các đ u h c cho các t kh u ni thông qua các t kh u. M i khi có s vi c sanh kh i, các t kh u ni đã k l i s vi c cho các t kh u, r i các t kh u m i trình lên đ c Ph t. Khi đ c Ph t quy đ nh đ u h c, ngài cũng quy đ nh gián ti p qua các t kh u: "... Và này các t kh u, các t kh u ni hãy ph bi n đ u h c này ..." Cũng nên l u ý v th c a đ ng t s đ ng trong l i nói c a đ c Ph t: Đ ng t *'uddissantu'* trong tr ng h p c a các t kh u ni thu c m nh l nh cách, hàm ý s ch th , s ra l nh, nên đ c đ ch là "hãy," còn *'uddisseyyātha*

" áp đ ng cho các t kh u thu c gi đ nh cách có ý nghĩa khuyên b o nh nhàng đ c đ ch là "nên;" chúng tôi ch a tìm ra đ c lý giới i v v n ph m cho đ i m này, cũng có th l i nói gián ti p hay tr c ti p là lý do c a s khác bi t này. Và trong các câu chuy n T ng Lu t, đ ng nh ch có bà Mahāpajāpati Gotamī là ch đ ng th a chuy n cùng đ c Ph t, còn các t kh u ni ch l ng nghe và tr l i m i khi đ c Ph t h i đ n.

3) Các t kh u ni khi đ n v i đ c Ph t đ u đ ng cho dù nghe Pháp. Đi u này đ c ghi nh n các đ n v n "... r i đ ng m t bên. Khi đã đ ng m t bên..." Và khi t giã đ c Ph t, ch có ph n mô t v i c các t kh u ni đ nh l đ c Ph t, h ng vai ph i nh u quanh và ra đi, không có đ n "... t ch ng i đ ng d y..." Riêng đ i v i các t kh u, v t kh u ni c n ph i xin phép khi ng i xu ng phía tr c (*pācittiya* đ i u 94).

4) T i quy đ nh cho t kh u th ng đ c gi m nh so v i các t kh u ni trong khi c hai đ u th c hi n hành đ ng ph m t i gi ng nhau. Ví d nh v i c che gi u t *pārājika* c a v khác, t kh u ph m

pācittiya

(ng đ i tr) đ i u 64, t kh u ni l i ph m

pārājika

(b t c ng tr) đ i u 2, ho c v xu h ng theo tà ki n và v n không d t b sau khi đ c nh c nh , t kh u ph m

pācittiya

(ng đ i tr) đ i u 68, còn t kh u ni ph m

pārājika

(b t c ng tr) đ i u 3, v.v...

5) Tuy nhiên, t kh u ni cũng đ c 2 đ i u gi m nh là ch h u c n ni s t đ 2 năm, trong khi t kh u t i thi u ph i 5 năm ho c h n, và t kh u ni không ph i hành *parivāsa* khi ph m t i s a *ghādisesa*

(tăng tàng), bù l i, ph i th c hành

mānatta

n a tháng c hai h i chúng (trong khi đó t kh u ph i hành

parivāsa

tùy theo s ngày che gi u và ch 6 đêm

mānatta

).

6) V n đ xu t gia cho ng i n có ph n ph c t p h n, ví d nh ni s t đ ph i 12 năm thâm niên (so v i t kh u ch 10 năm) và không th ti p đ hàng năm (*pācittiyā* đ i u 82), đ i u này không th y quy đ nh cho t kh u. Sau khi cho tu lên b c trên xong, c n ph i di chuy n v tân t kh u ni đi xa, đ tránh tr ng h p ng i ch ng b t l i (

pācittiya

đ i u 70).

8 / 21

9. Chương 9 được đặt tên theo một số kinh xảy ra ở Campā, nêu lên một điểm mà không thể chấp nhận được về việc sắp xếp các môn học theo một thứ tự nhất định để áp dụng hành pháp sai trái lên cá nhân. Thứ bị bỏ quên còn có một Phật là vị quan tòa để phân xử, trong thời điểm này trách nhiệm xem xét lại sự việc được trao cho các học sinh chúng ta. Họ không hiểu đúng khác nhau có sự khác biệt. Các điểm giảng dạy trong chương này không ngoài việc trình bày khuôn mẫu trong việc tiến hành các hành sự, khả năng thực hiện của học sinh chúng ta về các loại hành sự khác nhau tùy thuộc vào sự hiểu biết của họ về kinh điển, và một số nguyên tắc cần được áp dụng để bảo đảm tính chính xác đúng Pháp đúng Luật của hành sự. Các hành sự của học sinh chúng ta cùng với việc thấu hiểu các hành sự này cũng được trình bày ở chương này gồm có: hành sự khiêng trách, hành sự chấp dõy, hành sự xua đuổi, hành sự hòa giải, và ba loại hành sự án treo.

10. Chương 10 nói về sự việc chia rẽ học sinh chúng ta Kosambī tại lúc khi đi đầu tiên học thức. Một môn học chia rẽ trong câu chuyện này chỉ là một sự tranh cãi về một điểm Luật không quan trọng, từ sự xung đột cá nhân đã lan rộng đến một thứ tự và trở nên căng thẳng không những đã dẫn đến sự giết hại các học sinh mà còn khiến cho một Phật đã bỏ đi vào rừng sâu sống với sự phẫn nộ của voi và khỉ. Ý tưởng của việc giảng dạy quy tắc sự chia rẽ này là hành động tẩy chay tích cực của các cư sĩ thành Kosambī, cuối cùng sự tranh chấp được giảng dạy quy tắc do sự phẫn nộ của vị thầy học sai trái. Câu chuyện về hoàng tử Dīghāvu và một số học sinh học của ba vị thầy là Anuruddha, Nandiya, Kimbila nhằm để cao sự sống chung hòa ái và không thù hận lẫn nhau là ý tưởng quan trọng cần được xây dựng và duy trì trong đời sống tập thể.

4. Tiểu Phàm:

Tiểu Phàm là phần thứ nhì của bộ Học Phàm gồm có 12 chương:

1. Chương đầu là chương Hành Sự để cập đến bảy loại hành sự nhằm mục đích nhắc nhở và cảnh tỉnh học sinh về những học sinh có những hành vi không đúng với Pháp, không đúng với Luật, họ hiểu rõ điều kiện cho việc này có các học sinh phẫn nộ và sự giận dữ. Bảy hành sự này là hành sự khiêng trách, hành sự chấp dõy, hành sự xua đuổi, hành sự hòa giải, và 3 loại hành sự án treo trong việc không nhìn nhận lỗi, trong việc không sửa chữa lỗi, và trong việc không thể bỏ tà kiến ác.

2. Chương 2 giảng dạy về cách thức phẫn nộ cho việc tập thể học phàm từ *saṃ ghādisesa* (tăng tàng) từ lúc khi đi đầu tiên cho đến khi kết thúc trải qua các giai đoạn *parivāsa, mānatta, mūlāya paṭ ikassana* nếu vì phạm lỗi thì ý họ học tập trong thời gian thức thì hành pháp, và cuối cùng là phần giảng dạy

abbhāna

đi ph c h i ph m v tr c đây cho v t kh u ph m t i.

3. Ch ng 3 gi ng gi i v c các tr ng h p đ c bi t c a v t kh u trong khi đang th c thi các hành ph t đ thoát kh i t i sa *ghādisesa* l i t i p t c vi ph m t i y n a, ho c các t i t ng t cùng nhóm.

4. Ch ng 4 gi ng gi i v b y cách dàn x p là cách hành x Lu t v i s h i n dĩ n, hành x Lu t b ng s ghi nh , hành x Lu t khi không diên cu ng, vi c phán x theo t i đã đ c th a nh n, thu n theo s đông, theo t i c a v y, cách dùng c che l p đ i v i b n lo i tranh t ng là s tranh t ng liên quan đ n tranh cãi, s tranh t ng liên quan đ n khi n trách, s tranh t ng liên quan đ n t i, và s tranh t ng liên quan đ n nhi m v .

5. Ch ng 5 là ch ng các Ti u S đ c p đ n nhi u v n đ có liên quan đ n s sinh ho t hàng ngày c a v t kh u v nhi u khía c nh khác nhau, nh cách ph c s c, thuy t Pháp, các v t d ng, v.v...

6. Ch ng 6 Sàng T a thu t l i vi c dâng cúng 60 trú xá đ u tiên c a m t nhà đ i phú thành Rājagaha cho đ n s cúng đ ng m t tu vi n hoàn ch nh c a ông Anāthapi ika (C p Cô Đ c) và các v n đ liên quan nh vi c xây đ ng, cách th c s đ ng, và các s phân công trong vi c qu n lý tu vi n.

7. Ch ng th 7 là ch ng Chia R H i Chúng, b t đ u v i câu chuy n dài gi i thi u s sinh ho t trong m t gia đình tiêu bi u c a dòng h Sākya (Thích Ca), t i p đ n s xu t gia c a sáu thanh niên thu c dòng h này, trong đó có Devadatta v sau là ng i kh i x ng và t i n hành vi c chia r h i chúng. Ch ng này đ c k t thúc v i nh ng câu h i c a tr ng lão Upālī đ xác đ nh nh ng đi m khác bi t gi a s b t đ ng trong h i chúng là vi c th ng x y ra trong t p th , và s chia r h i chúng là vi c có tính ch t nghiêm tr ng. Nghi p qu x u dành cho k chia r h i chúng và ph c báu c a v làm h p nh t h i chúng đã b chia r cũng đ đ c p đ n ch ng này.

8. Ch ng th 8 gi ng gi i v 14 ph n s trong đ i s ng xu t gia. Cu c s ng c a v t kh u đ c mô t đ y đ trong ch ng này, b t đ u v i ph n s c a v t kh u vãng lai, th ng trú, ho c chu n b ra đi, luôn c ph n s c a v t kh u đ i v i ch trú ng trong r ng ho c

trong tu viện. Các phàm nhân sống trong nhà đi khất thực, phàm nhân ở nhà ăn, tùy họ phàm nhân có thói quen, vì có sự sống nhà tu, nhà sư sinh sống được một chút chi tiêu. Ngoài ra, còn quy định cho các phàm nhân sống tác giả thơ và thơ dạy học để với các đồ vật hoặc học trò có liên hệ nhà. Cuộc sống chung có được tốt đẹp hay không chính là do sự nhàn nhã và thực hành các phàm nhân này có hàng xuất gia, đời hình là các vật khác.

9. Chương 9 Đỉnh Chư Giới Bồ Đề *Pātimokkha* trình bày nguyên do vì có Đức Thế Tôn đã thuyết giảng về tám pháp khổ đau phi thường trong biên cảnh, để so sánh với tính chất được biết của Pháp và Luật mà Ngài đã tuyên thuyết, đời có liên quan đến việc giao phó trách nhiệm đức thọ giới bồ đề *Pātimokkha* cho các

tu sĩ không thể dời đi một bước. Phàm nhân thọ đức đỉnh chư giới bồ đề *Pātimokkha*

nhằm để bảo vệ sự sống trong sạch của họ. Chúng, bằng cách loại bỏ những phạm tội những việc che giấu hoặc tỏ ra không hay biết. Đức biết chương này còn để cấp độ nhiệm vụ chi tiêu từ những việc khi trách nhiệm của vật khác nguyên cáo và thái độ thích hợp của vật khác bằng cáo họ để được hòa khí của hai bên.

10. Chương 10 để cấp việc xuất gia của tu sĩ khác và việc dạy dỗ chi tiêu, bắt đầu với việc cấp xin xuất gia của bà Mahāpajāpati Gotamī, sau đó đã được tu sĩ lên bậc trên do sự chấp thuận Tám Trạng Pháp, khổ đau là năm trăm công việc dòng Sākyā được xuất gia với họ chúng tu khác, tiếp nhận là tiến trình tu lên bậc trên với cả hai họ chúng: với họ chúng tu khác và tiếp nhận họ chúng tu khác sau. Trong trạng hợp đức biết, hành sự tu lên bậc trên họ chúng tu khác có thể được tiến hành với sự hiện diện của vật khác và ni là người đi đến. Ngoài ra, một số việc để nảy sinh có tính cách cá biệt của phái nữ cũng được kể tiếp chương này. Nghiên cứu kỹ lưỡng chương này có thể nắm được nét chung về sự sinh hoạt của tu sĩ khác vào thời bấy giờ.

11. Chương 11 nói về cuộc kết tập Tam Tăng lần thứ nhất ở thành Đệ. Ngoài những sự liên quan đến công việc kết tập lần đầu của đức Phật gồm có phàm nhân duyên khởi, việc chuộc nợ và tiến hành, chương này còn để cấp độ tuyên bố của đức Phật và đức Purāṇa và việc dạy dỗ ghi nhận những lời dạy do chính bản thân đã được nghe trực tiếp từ kim khẩu của đức Thế Tôn, và việc các vị trưởng lão quy định để không thêm vào và không bỏ bớt bất cứ điều gì nào, sự tuân thủ của đức Ānanda và với các bậc trưởng lão, và cách thức áp dụng hình pháp *Brahma* (Phạm đàn).

12. Chương 12 nói về lần kết tập Tam Tăng lần thứ nhì ở thành Đệ với phàm nhân duyên khởi Vesālī vào khoảng 100 năm sau khi đức Phật Vô Đề Niết Bàn. Các chi tiết và tiến trình về

Đúng có cả hai phe trong cuộc tranh tụng này giúp cho đức giới bị t được vài nét khái quát trong đời sống sinh hoạt tinh thần vào thời bấy giờ. Đây là sự kiện chia phe nhóm thành hai sau lần Kosambī được ghi chép lại, tức rằng sự liêu này đúng thì điếm kết thúc cả lần kết tập này mà không tìm t thêm chi tiết nào về sự phân chia tông phái về sau này.

5. Tỳ p Y u:

Tỳ p Y u (*Parivāra*) là bộ sưu tập cùng cả Tông Luật (*Vinayapīṭaka*). Về ý nghĩa của từ *parivāra*, học giả I. B. Horner phân tích như sau: "... pari là tiền tố có ý nghĩa: đi vòng quanh, bao bọc xung quanh, v.v... và vāra lấy theo từ gốc của

Sanskrit

là √

√

có nghĩa là bao phủ ..." (√

√

còn có nghĩa thành hai là chơn (a); dựa theo đó, chúng tôi tạm lấy tên là "Tỳ p Y u", có ý nghĩa nôm na là "Tỳ p hợp lại những điếu chính yếu." Những điếu chính yếu này đã được chơn lại thành hai bộ Luật

Suttavibhaṅga

và

Khandhaka

để được sắp xếp và trình bày qua những góc nhìn khác biệt.

Như vậy, phải chăng bộ Tỳ p Y u này không đem lại thêm liêu gì mới cho người được? Suy nghĩ như vậy xét ra cũng có phần đúng. Tuy nhiên, trong số những người đã được qua, thậm chí đã học một cách kỹ lưỡng hai bộ Luật trên, người nào có thể không nhận ra rằng bản thân có thể hiểu được chính xác và ghi nhớ đầy đủ các điếu được Phật đã dạy, hoặc nghĩ đến việc học tập hóa lại kiến thức về Luật? Chúng ta hãy thử trả lời các câu hỏi sau: "Các điếu học đã được quy định bao nhiêu lần điếm? Mỗi lần điếm như vậy được bao nhiêu điếu? Có bao nhiêu điếu học đã được quy định chung cho tất cả chúng ta và tất cả chúng ta? Là các điếu học nào? Có bao nhiêu điếu học đã được quy định riêng cho tất cả chúng ta, cho tất cả chúng ta? Là các điếu học nào? v.v... Bộ Tỳ p Y u đã giúp quy định các câu hỏi đó giúp cho người được học phải mất thì giờ vào những ký ức hoặc phải mở sách ra xem lại.

Mỗi chính chức của bộ Tỳ p Y u được trình bày theo thứ tự như sau:

I. Chức năng Mười Sáu Phần Chính thuộc Phân Tích Giới Tỳ khưu: Tóm lược đầy đủ 227 điếu học của tất cả chúng ta.

II. Chương Mục lục Sáu Phần Chính thuộc Phân Tích Giới Tử khu Ni: là phần tóm lược *Bhikkhunīvi bhāga*

gồm các đề mục được quy định riêng cho tử khu Ni, cách trình bày cũng tương tự như chương trên dành cho tử khu.

III. Tóm lược về Ngũ nhân Sanh Tử: Tử thân khu ý được phân chia thành sáu ngũ nhân sanh tử: có thể sanh lên do thân và do ý, không do khu; có thể sanh lên do khu và do ý, không do thân, v.v... Có tử chỉ có một ngũ nhân sanh tử, có tử có hai, có tử có ba, có tử có bốn, có tử có sáu, và tử có có mười ba nhóm có ngũ nhân sanh tử giống nhau.

IV. Tuy được phân ra làm hai phần: (a) Sơ Trưng Lược Liên Tử và (b) Phân Tích Cách Dàn Xếp, nhưng phần (b) chỉ là phần tiếp theo của phần (a) chứ không hoàn toàn. Sơ dĩ nhận ra được hai phần riêng biệt do việc các nhà kết tập văn lời câu văn báo hiệu sự kết thúc của phần đầu: "*antarapeyyāla nā hīta*" có nghĩa là "Sơ Trưng Lược Liên Tử được chấm dứt." Về phần tiếp theo hình thức, cả hai phần này là các câu hỏi và đáp mà đưa bằng dòng tiêu đề (*mātikā*).

V. Các Câu Hỏi và Trả Lời Phần: Chỉ là một chương ngắn gọn giới thiệu qua các chương của bộ này gồm có Đề nghị Phần và Tiểu Phần dưới dạng câu hỏi và đáp với bao nhiêu loại từ cho mỗi chương và chấm dứt khi liệt kê đầy đủ 22 chương của bộ Luật này.

VI. Tăng Theo Tử ngữ Bộ: được trình bày dưới dạng pháp sư từ nhóm một đến nhóm mười một có nội dung liên quan đến Luật và hình thức được trình bày tương tự như Kinh Tăng Chi Bộ thuộc Tử ngữ Kinh.

VII. Các Câu Vấn Đáp về Lược *Upasatha*, v.v... Chỉ là một chương ngắn gọn để cập đến các hành sự từ *Upasatha*, là *Pavāra ā*, ... hành pháp *mānatta*, và sự giới thiệu. Phần thứ nhì nói về lợi ích của việc quy định đề mục hỏi. Đề mục đáng lưu ý là chương này được kết thúc với câu "*Mahāvagga nā hīta*"

"nghĩa là "Đề nghị Phần được chấm dứt," trong khi đó các phần đã được trình bày trong chương này được tìm thấy rải rác trong toàn bộ Tử ngữ Luật chứ không phải chỉ riêng Đề nghị Phần.

VIII. **Sưu Tập Các Bài Kệ** : Phần lớn được trình bày dưới thể kệ có xen vào một số đoạn văn xuôi. Nội dung liệt kê tên của tám đấng đã xảy ra việc quy định của các điều luật, mà nội dung là bao nhiêu điều luật, v.v... ngoài ra còn phân các điều luật thành nhóm theo nội dung khía cạnh khác nhau như quy định chung, quy định riêng, v.v...

IX. **Phân Tích Sơ Tranh Tranh**: Phân tích chi tiết về bản sơ tranh tranh và bày cách dàn xếp. Chỉ được trình bày cô đọng nhưng không kém phần súc tích của những tham khảo.

X. **Sưu Tập Khác và Các Bài Kệ** : Chỉ là một chương ngắn gọn tóm tắt về thể kệ thuộc đề tài có liên quan đến việc cáo tội: ý nghĩa và mục đích của việc cáo tội, các điểm sai trái chấp xử mà việc cáo tội cần phải quán xét trong quá trình cáo tội và khác.

XI. **Chương Cáo Tội**: là phần trình bày tiếp theo của chương trên có liên quan đến việc cáo tội và xét xử.

XII. **Xung Đột (Phần Ph)**: Chỉ là một chương ngắn gọn có liên quan đến việc xét xử, tuy nhiên các chi tiết được trình bày là hoàn toàn mới mẻ, không tìm thấy trong các phần Luật đã được đề cập qua.

XIII. **Xung Đột (Phần Chính)**: Sơ thực hành của việc xét xử được giới thiệu chi tiết. Cách thức được trình bày theo thể như ở phần Phân Tích Giới Bối, trước tiên giới thiệu một đoạn văn sau đó là phần giới thiệu ý nghĩa của từng câu.

XIV. **Phân Tích Kaṭhina**: Các điều kiện bắt buộc *Kaṭhina* được gom thành ba loại để đáp có tính cách tranh quát nhưng không kém phần súc tích, ngoài ra còn có những chi tiết của được trình bày về chương *Kaṭhina* thuộc Đệ Ph.

XV. **Nhóm Năm của Upāli**: là các câu hỏi của ngài Upāli và câu trả lời của Đức Phật như đã được thấy trong Đệ Ph và Tiểu Ph.

XVI. Ngũ N Sanh Kh: Trình bày về ngũ n sanh t i nh đã đ c đ c p ch ng I, II, III. Trong ch ng này, ngũ n sanh t i là ch đ chính và đ c trình bày cô đ ng theo t ng đ i u h c m t.

XVII. S u T p Các Bài K (Ph n Hai): Là các câu h i đ p liên quan đ n t i vi ph m. Tuy nhiên, câu tr i i ch có tính cách g i ý. Có câu có th đ dàng liên h đ c v n đ , nh ng nhi u câu tr i i khác đã chỉ m m t nhi u th i gian c a chúng tôi trong vi c tìm hi u ý nghĩa t i i gi i thích c a ngài Buddhaghosa cũng nh xem xét và ki m tra các ph n trích đ n c a Cô I. B. Horner trong b n d ch ti ng Anh.

XVIII. Các Bài K Làm Xu t M Hôi: là các câu h i khó khi n ng i đ c ph i lúng túng và đ m hôi khi suy nghĩ. V ch ng này, ph n c c chú là đ i u không th thi u sót và cũng đã t o ra nhi u khó khăn cho chúng tôi trong vi c xác đ nh v n đ . Có m t vài câu h i, chúng tôi ch ghi i d ch và không th c hi n ph n gi i thích vì không xác đ nh đ c ngu n trích đ n.

XIX. Năm Ph n: Trình bày theo năm đ tài: Hành s , đ i u i ích, s quy đ nh các lo i hành s , b y cách dàn x p đã đ c quy đ nh, và s t ng h p theo chín v n đ khác nhau.

V ph n tác gi , nói đúng h n là v đã biên t p tài li u này, chúng ta ch bi t đ c tên v y là Dīpa qua i t ng k t ph n cu i c a t p sách. V y đ c gi i thi u là "b c trí tu đã h c h i t các v th y và th c hi n *Parivāra* nh m làm sáng t Chánh Pháp, giúp cho ng i h c Ph t gi i quy t nh ng hoài nghi đã sanh kh i." Có ý ki n cho r ng Dīpa là m t v xu t gia ng i đ o Tích Lan (D ch gi I. B. Horner ghi i theo Winternitz, *A History of Indian Literature*, Volume ii, p. 33).

V th i đ i m, cũng không th xác đ nh ch c ch n. D a vào bài k li t kê tên các v tr ng lão k th a T ng Lu t đ c đ c p đ o n [3] nêu tên năm v thu c Jambudīpa (n Đ), k ti p là nhóm năm v đ n đ u là ngài Mahinda có trách nhi m đi ho ng Pháp Tambapa i, và v tr ng lão cu i cùng trong danh sách y có tên là Sīva. Có tài li u ph ng đoán r ng v Sīva đã s ng vào kho ng th k th nh t sau Tây l ch (Oskar Von Hinüber, *A Handbook of Pāli Literature*, tr. 22); nh y, có th suy lu n r ng t p *Parivāra*

được c thêm vào kho tàng thời gian đó. Đó là dĩ nhiên thêm c thêm

Parivāra

được c thêm nhiên chấp nhận là ở trên hòn đảo Tambapaṇi (tức là nước Sri Lanka ngày nay).

Về nội dung, có các vấn đề đáng được lưu ý như sau:

1) *Parivāra* tuy được xếp vào *Tipiṭṭaka* (Tam Tạng), nhưng phần lớn của *Parivāra* không phải là những điều đã được nghe trực tiếp từ chính kim khẩu của đức Phật và được ghi lại nguyên văn như hai bộ Luật kia hoặc các bộ thuộc tạng Kinh; điều này được dễ dàng xác định qua văn bản. *Parivāra* tuy không hẳn là Phật ngôn nhưng các vấn đề thuộc luật không đi ra ngoài những điều dạy của đức Phật.

2) *Parivāra* hiện đang soạn theo gấm có 19 chương; tuy nhiên cuối chương XIV có dòng chữ *Parivāraṃ nāma hitaṃ*

" báo hiệu sự kết thúc của *Parivāra*. Do đó giới I. B. Horner định chương riêng các bộ Chư Giĩ và Luật và Kinh Trường Bộ của ngài Buddhaghosa để cập đến "

số *asaparivāra*

" nghĩa là

Parivāra

gấm có 16 chương và lưu ý chúng ta về chương IV gấm có 2 phần riêng biệt là

Anantarapeyyāla

(Số trùng lặp liên tục) và

Samathabheda

(Phân tích cách dần xếp) và chương VII gấm có

Uposathādīpucchāviśajjanā

(Các câu vấn đáp về lễ

Uposatha

, v.v...) và

Atthavasapakarāṇa

(Lời giới thích về điều luật ích) đã được thu gấm lại; theo cách giới thích này chúng ta có được *Parivāra*

về mười sáu chương theo như các Chư Giĩ đã đề cập. Như vậy, phải chăng các chương XV-XIX phần Chánh Tạng và Chư Giĩ đã được thêm vào sau thời kỳ của ngài

Buddhaghosa (vào kho tàng thời kỳ thứ 5 sau Tây Lịch)? Điều này cần phải chờ đợi câu trả lời từ các công trình nghiên cứu nghiêm túc hoặc từ sự tìm ra các di tích từ những công cụ khảo cổ để có được câu trả lời thích đáng.

3) Có điều cần nói thêm rằng: *Parivāra* không phải là sách để thông thạo mà để xem

là tài liệu học tập, là học cụ giúp cho người nghiên cứu. Luật hiểu rõ và nắm vững các vấn đề thuộc về Luật. Sự trình bày vấn đề dưới nhiều góc nhìn, theo từng chiều để có thể giúp cho người đọc xác định lợi ích kinh tế và góp phần vào việc công nhận sự ghi nhận. Tuy nhiên, người đọc phải thông cũng có thể học hỏi được những nét đa dạng trong nghệ thuật phân tích vấn đề.

Nội dung của Tông Luật tuy có chỗ để là các điều học đã được đặt ra quy định cho các tổ chức và tổ chức này, nhưng còn được lồng vào những câu chuyện để nên những trình bày bởi các nhà xã hội của Ấn Độ vào thời điểm Phật. Người nghiên cứu không người đọc có thể nhận ra những tài liệu giá trị về lịch sử, y khoa, tâm lý, v.v... và rút ra được những bài học có thể ứng dụng trong đời sống hàng ngày của hàng xuất gia lẫn tại gia cư sĩ.

Mong rằng bạn đọc thiện nguyện Viên Tông Luật sẽ đóng góp chút ít công sức trong việc học và nghiên cứu của quý vị.

Sri Jayawardhanaramaya,
Ngày 04 tháng 07 năm 2005
Bhikkhu Indacanda
(Trưởng đạo đình Dũng)

Nguồn: http://www.paliviet.info/VChuong/Luat_Intro.htm

CÁC BẠN ĐỌC

CÁC TÁC KHU INDACANDA

Cập nhật: Friday, September 24, 2010

Trên Bìa Bìa Dành về Tông Luật Pāli (9 tập)

Giới Thiệu Tông Quát Tông Luật (Vinaya Pīṭaka): ([Html](#))

▢ *Pārājikapāṇi* & Phân Tích Giới Tỳ Khưu I (2008) ([Pdf. 5.3 Mb](#))

▢ *Pācittiyapāṇi bhikkhu* & Phân Tích Giới Tỳ Khưu II (2008) ([Pdf. 4.5 Mb](#))

▢ *Pācittiyapāṇi bhikkhunī* & Phân Tích Giới Tỳ Khưu Ni (2008) ([Pdf. 3.1 Mb](#))

▢ *Mahāvaggapāṇi I* & Đồ thị Phạn I (2009) ([Pdf. 4.2 Mb](#))

▢ *Mahāvaggapāṇi II* & Đồ thị Phạn II (2009) ([Pdf. 3.5 Mb](#))

▢ *Cullavaggapāṇi I* & Titled Phạn I (2009) ([Pdf. 3.5 Mb](#))

▢ *Cullavaggapāṇi II* & Titled Phạn II (2009) ([Pdf. 4.1 Mb](#))

▢ *Parivārapāṇi I* & Titled Yếu I (2010) ([Pdf. 3.1 Mb](#))

▢ *Parivārapāṇi II* & Titled Yếu II (2010) ([Pdf. 3.1 Mb](#))

Các Bản Dịch thu thập Tống Kinh Pāli (6 tập)

▢ *Patisambhidamaggapāṇi I* - Phân Tích Đồ, tập I (2006) ([Pdf. 4.3 Mb](#))

▢ *Patisambhidamaggapāṇi II* - Phân Tích Đồ, tập II (2006) ([Pdf. 2.8 Mb](#))

▢ *Apadanapāṭi I* - Thánh Nhân Ký S, tập I (2008) ([Pdf 5.45 Mb](#))

▢ *Apadanapāṭi II* - Thánh Nhân Ký S, tập II (2007) ([Pdf 3.33 Mb](#))

▢ *Apadanapāṭi III* - Thánh Nhân Ký S, tập III (2007) ([Pdf 2.18 Mb](#))

▢ *Buddhavamsapāṭi* - Phật S (2005) ([Pdf. 4.2 Mb](#))

▢ *Cariyapitakapāṭi* - Hình Thức (2005) ([Pdf. 4.2 Mb](#))

Các Dịch Phẩm và Tài Liệu Khác về Pāli

▢ *Bhikkhunī Pātimokkha* - Giới bổn Pātimokkha của Tăng nữ ([Html](#))

▢ *Dīpavamsa* - Sơ lược về đảo Lanka ([Pdf. 1.4 Mb](#))

▢ *Saddhammasaṅgaha* - Dẫn pháp yếu lược ([Html](#))

▢ *Buddhaghosuppatti* - Cuộc đời ngài Buddhaghosa ([Html](#))

▢ *Dāthāvamsa* - Sơ lược về Xá-lợi Răng Phật ([Pdf. 0.8 Mb](#))

▢ *Thūpavamsa* - Số liệu về Bộ o thập Xá-lợi Phất ([Html](#))

▢ Mẫu T Pāli và Cách Phát Âm, Tập *khṇu Indacanda soṇṇa* ([Html](#))

▢ Học Pāli qua kinh tụng, Tập *khṇu Indacanda soṇṇa* ([Html](#))

Các Bản Dịch từ Sankrit (Pdf. files) :

(với bút hiệu Nguyễn Thiên)

▢ Chuyển C Tích n Đ (*Hitopadeśa*) đã in song ngữ 2000

▢ Phất Đ Nan Đà (*Saundarananda*) đã in song ngữ 2001

▢ Truyền Thuyết Vua A Dục (*Aśokāvadāna*) ([Pdf. 670 Kb](#))

BTV